

Số: 0.0.4.6/VINEXAD

Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2023

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO VÀ HỘI CHỢ THƯƠNG MẠI VINEXAD

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100108007

- Vốn điều lệ: 12.249.480.000 VNĐ

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Địa chỉ: số 9 Đinh Lễ, phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

- Số điện thoại: 024.38255546

- Số fax:

- Website: www.vinexad.com.vn

- Mã cổ phiếu: VNX

- Quá trình hình thành và phát triển: Công ty cổ phần Quảng cáo và Hội chợ thương mại Vinexad tiền thân là doanh nghiệp nhà nước, được ra đời từ năm 1975. Năm 2006, thực hiện theo chủ trương của Đảng và Chính phủ, Công ty đã tiến hành cổ phần hóa và chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 27/04/2006

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Quảng cáo và hội chợ Triển lãm thương mại

- Địa bàn kinh doanh: Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:

- Ban Tổng giám đốc: Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc

- Các phòng quản lý: Phòng quản trị nhân sự, phòng Kế toán; Các phòng kinh doanh: Vinexad Triển lãm và sự kiện 1, Vinexad Triển lãm và sự kiện 2, Vinexad Quảng cáo & Truyền thông, Vinexad Thiết kế - Sáng tạo
- Chi nhánh Thành phố HCM

- Cơ cấu bộ máy quản lý :

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Ban Giám đốc
- Các phòng quản lý chức năng

4. Định hướng phát triển

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực tổ chức hội chợ triển lãm, tổ chức sự kiện, kinh doanh quảng cáo như: Quảng cáo ngoài trời, Quảng cáo biển điện tử, quảng cáo trên phương tiện truyền thông, văn phòng cho thuê.

Mục tiêu: Nhằm đảm bảo phát triển bền vững, nâng cao tính cạnh tranh và uy tín của Công ty; mang lại lợi nhuận cho các cổ đông; bảo đảm và phát triển vốn góp của các cổ đông; tạo việc làm ổn định và nâng cao thu nhập cho người lao động; đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế - xã hội.

5. Các rủi ro:

Năm 2023, kinh tế Việt Nam diễn ra trong bối cảnh bất lợi cả từ bên ngoài (quốc tế, khu vực trên nhiều lĩnh vực cả kinh tế, chính trị, quân sự) và bên trong (những khó khăn lớn của một nền kinh tế mở phụ thuộc bởi bên ngoài, mới trải qua giai đoạn khủng hoảng nghiêm trọng bởi đại dịch COVID-19), có ảnh hưởng tiêu cực đến chuỗi cung ứng, giá cả, an ninh năng lượng, an ninh lương thực bị đe dọa.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

(Đơn vị tính: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Tỷ lệ % so với cùng kì	Kế hoạch 2023 (ĐHCĐ)	Tỷ lệ % so với kế hoạch

01	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	141.933	252.338	177,8%	170.000	148%
02	Lợi nhuận trước thuế	18.602	47.052	252,9	18.000	261%
03	Lợi nhuận sau thuế	15.170	37.459	246,9	14.400	260%
04	Trả cổ tức	60%	Dự kiến trình ĐHĐCĐ:150%			

Trong thách thức sẽ tiềm ẩn những cơ hội, trong bối cảnh khó khăn nêu trên các hoạt động xúc tiến thương mại đóng vai trò quan trọng trong việc tăng trưởng và phát triển trở lại sau dịch của các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Hơn thế nữa, đầu năm 2023, Bộ Công thương đã ban hành Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại và Chương trình thương hiệu quốc gia năm 2023 với gần 300 hoạt động xúc tiến thương mại ở trong nước và quốc tế, các hội chợ, triển lãm và hoạt động xúc tiến thương mại do đó được tổ chức mạnh mẽ trong năm 2023. Vinexad vì thế cũng cũng nhanh chóng nắm bắt thời cơ triển khai ổn định kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thị trường, hồi phục kinh tế.

Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	Ghi chú
01	Nguyễn Khắc Luận	Tổng Giám đốc	165.153	13,48%	
02	Đình Văn Khải	Phó Tổng giám đốc	147.522	12,04%	
03	Nguyễn Thu Hồng	Phó Tổng giám đốc	16.999	1,39%	
04	Phạm Đăng Khánh	Phó Tổng giám đốc	9.225	0,75%	

Kế toán trưởng:

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	Ghi chú
01	Nguyễn Tuyết Mai	Kế toán trưởng	5.126	0,42%	

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 71

Chính sách đãi ngộ, phúc lợi: Công ty quản lý và đánh giá người lao động theo năng suất và hiệu quả công việc, đem lại công bằng cho tất cả CBNV trong quá trình làm việc và tạo điều kiện để mỗi cá nhân phát huy được tối đa năng lực. Người lao động làm việc tại Công ty và Chi nhánh được nhận lương, thưởng cuối năm cùng nhiều chính sách, chế độ khác.

Công ty luôn thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Nhà nước đối với người lao động. CBNV đều được tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế Công đoàn công ty luôn

quan tâm tới đời sống tinh thần, vật chất CBNV. Cụ thể như quan tâm thực hiện tốt chế độ đối với CBNV vào các dịp thăm hỏi ốm đau, hiếu, hi.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng /% giảm
Tổng giá trị tài sản	69.946.622.812	120.370.724.123	+72%
Doanh thu thuần	141.933.363.368	252.338.882.462	+78%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	17.097.124.858	46.731.011.370	+173%
Lợi nhuận khác	1.505.260.652	321.627.504	-79%
Lợi nhuận trước thuế	18.602.385.510	47.052.638.874	+153%
Lợi nhuận sau thuế	15.170.429.068	37.459.084.068	+147%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	Dự kiến 48%	49%	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
1. <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	2,28	2,18	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>	2,06	1,93	
Nợ ngắn hạn			
2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
<input type="checkbox"/> Hệ số Nợ/Tổng tài sản	41%	44%	
<input type="checkbox"/> Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	69%	78%	
3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
<input type="checkbox"/> Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
+ Vòng quay tổng tài sản:			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	234%	265%	
4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
<input type="checkbox"/> Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	10,69%	14,84%	
<input type="checkbox"/> Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	36,58%	55,33%	

<input type="checkbox"/>	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	21,69%	31,12%
<input type="checkbox"/>	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	12,05%	18,52%
.....			

3. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

- Số lượng cổ phần: 1.224.948 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 1.224.948 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu

- Cổ đông nhà nước: 0%; cổ đông khác: 100%
- Cổ đông trong nước: 100%; cổ đông nước ngoài: 0%
- Cổ đông tổ chức: 7%; cổ đông cá nhân: 93%
- Cổ đông lớn: 50%; cổ đông nhỏ: 50%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

So với kế hoạch ĐHCĐ 2023: năm 2023 công ty đạt tổng doanh thu 252,3 tỷ đồng bằng 148%, lợi nhuận trước thuế 47 tỷ đồng đạt 261%, lợi nhuận sau thuế 37,4 tỷ đồng đạt 260% kế hoạch. Đây là kết quả kinh doanh cao nhất của nhiệm kỳ và cũng là cao nhất giai đoạn cổ phần hóa. Từ kết quả khả quan như trên, công ty đã ổn định thu nhập mức cao đối với CBNV, đồng thời HĐQT đã xem xét đề nghị trả mức cổ tức 2023 cho cổ đông 150%.

2. Tình hình tài chính

Thực hiện chủ trương của HĐQT công ty năm 2023 điều hành tài chính của công ty vẫn ổn định, không phát sinh rủi ro, nợ xấu. Công tác quản lý tài chính, kinh doanh được giám sát chặt chẽ, quản lý theo hệ thống báo cáo qua các bộ phận đảm bảo công khai, minh bạch.

Các chủ trương, Nghị quyết của HĐQT được TGD công ty tính toán, có giải pháp thực hiện có hiệu quả trong đó việc tiết giảm chi phí kinh doanh và chi phí quản lý một cách hợp lý để tăng trưởng lợi nhuận, kết quả thể hiện ở tỉ suất lợi nhuận gộp/doanh thu năm 2019 là 17.6% nhưng năm 2023 do quản lý chi phí hiệu quả hơn đã tăng lên 27,7%.

3. Cơ cấu tổ chức

Trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt của rất nhiều các đơn vị tổ chức triển lãm trong và ngoài nước trên thị trường, mô hình quản lý & kinh doanh mà Vinexad đang áp dụng đã hoạt động ổn định và phát triển được 15 năm (2008-2023), tuy nhiên, để thích ứng với bối cảnh kinh doanh mới, đặt ra yêu cầu phải thay đổi để mở rộng quy mô về mô hình tổ chức cũng như mô hình kỹ thuật, Hội đồng quản trị đã phê duyệt “Đề án tái cơ cấu bộ máy và nhân sự công ty giai đoạn 2024 – 2028” của Ban tổng giám để phù hợp với sự phát triển của công ty và thích ứng với bối cảnh mới trong giai đoạn các năm tới của nhiệm kỳ 2024-2028 gồm 3 đơn vị kinh doanh Triển lãm sự kiện, 2 đơn vị hỗ trợ và khai thác kinh doanh dịch vụ quảng cáo, truyền thông và TLSK.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của HĐQT về các hoạt động của công ty:

HĐQT đảm bảo hoạt động đúng thẩm quyền giữa HĐQT và Tổng giám đốc để điều hành không chồng chéo, các quy định ban hành phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy định hiện hành của pháp luật.

HĐQT công ty duy trì chế độ họp định kỳ để xử lý những phát sinh trong kinh doanh do dịch bệnh đồng thời luôn nắm bắt tình hình và giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình quản trị điều hành nên đã có những quyết sách, giải pháp kịp thời, hiệu quả ngăn ngừa các rủi ro xảy ra cũng như tạo hành lang pháp lý cho công việc điều hành kinh doanh của Tổng giám đốc công ty thuận lợi, đúng hướng.

HĐQT công ty luôn đặt vấn đề tính minh bạch và cẩn trọng của các thành viên trong thực thi trách nhiệm cá nhân của mình trong hoạt động của HĐQT, vì lợi ích của cổ đông và công ty.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

Tổng giám đốc và các bộ phận quản lý đã chủ động và nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ và chỉ tiêu mà ĐHCĐ thường niên đã thông qua, trong quá trình điều hành luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, vượt qua khó khăn để phát triển, mở rộng thị trường, tăng doanh thu và lợi nhuận. Năm 2023, với sự tăng trưởng tốt nhất kể từ khi công ty cổ phần hóa, HĐQT đánh giá cao nỗ lực của Tổng giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong quá trình thực hiện kế hoạch kinh doanh đã đề ra của Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

Với vai trò là đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, trong năm 2023 HĐQT đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, cùng với Ban TGD của Công ty chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu của ĐHCĐ đề ra.

Về định hướng mục tiêu kinh doanh :

➤ Kinh doanh Triển lãm sự kiện : HĐQT thống nhất định hướng phát triển kinh doanh của công ty sẽ tập trung khai thác sâu vào lĩnh vực triển lãm sự kiện – lĩnh vực thế mạnh của công ty. Hiện tại chủ trương là tranh thủ thời cơ sau dịch bệnh để xúc tiến mở rộng thị trường, đối tác, chú trọng các thị trường trọng điểm: Trung Quốc, Hàn Quốc.

➤ Duy trì các mảng kinh doanh : quảng cáo, cho thuê văn phòng... đạt hiệu quả, tiếp tục đưa ra các chính sách bán hàng phù hợp, linh động trước hoàn cảnh khó khăn chung của doanh nghiệp để duy trì doanh thu, giữ được khách hàng.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1	Phạm Quỳnh Giang	CT HĐQT	150.896	12,32 %	
2	Nguyễn Khắc Luận	PCT.HĐQT, Tổng GĐ	165.153	13,48%	
3	Trịnh Xuân Tuấn	TV.HĐQT,	51.155	4,18%	
4	Đình Văn Khải	TV.HĐQT, P.TGD	147.522	12,04 %	
5	Nguyễn Thu Hồng	TV.HĐQT, P.TGD	16.999	1,39%	

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Phạm Quỳnh Giang	CT HĐQT	4	4/4	
2	Nguyễn Khắc Luận	Phó CT HĐQT	4	4/4	
3	Đình Văn Khải	TV.HĐQT	4	4/4	
4	Nguyễn Thu Hồng	TV.HĐQT	4	4/4	
5	Trịnh Xuân Tuấn	TV.HĐQT	4	0/4	Lý do sức khỏe

Trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức 4 cuộc họp thông qua các nội dung trong thẩm quyền phê duyệt của HĐQT đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Phiên họp ngày 05/01/2023: HĐQT Công ty thông qua xin ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 thay cho Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA) không được UBCK nhà nước cho kiểm toán các đơn vị có lợi ích công chúng.
- Phiên họp ngày 03/03/2023: Thông qua kết quả hoạt động SXKD năm 2022 và chỉ tiêu kế hoạch SXKD 2023. Công tác chuẩn bị ĐHCĐ 2023
- Phiên họp ngày 30/06/2023: Thông qua báo cáo kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2023, công việc kinh doanh 6 tháng cuối năm 2023. Tổng giám đốc báo cáo HĐQT đề án tái cơ cấu bộ máy và nhân sự Công ty giai đoạn 2024 – 2030.
- Phiên họp ngày 29/9/2023: Báo cáo kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2023, giải pháp thực hiện quý 4/2023. Thực hiện Nghị quyết HĐQT năm 2019 về phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ cho cổ đông hiện hữu và phát hành cho CBNV Công ty. Quyết định một số công việc chuẩn bị ĐHCĐ nhiệm kỳ 2024 - 2028

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1	Vũ Đăng Khoa	Trưởng ban kiểm soát	1.493	0,1%	
2	Huỳnh Thị Ngọc Châu	TV.Ban Kiểm Soát	1.978	0,16%	
3	Huỳnh Thị Thúy Nga	TV.Ban Kiểm Soát	5.775	0,47%	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban Kiểm soát (BKS) đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các Quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ liên quan trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc (Ban TGD) Công ty trong năm 2023, cụ thể như sau:

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2023 đối với HĐQT, Ban TGD Công ty.
- Giám sát tính pháp lý trong việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định...của HĐQT, Ban TGD trong năm 2023.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch kinh doanh năm 2023.
- Thẩm định Báo cáo kết quả kinh doanh (định kỳ 06 tháng, 09 tháng và 12 tháng của năm 2023), Báo cáo Tài chính năm 2023 (Trước và sau kiểm toán).
- Kiểm tra giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật về công bố thông tin của Công ty.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, BKS đã được HĐQT, Ban điều hành của Công ty tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ cụ thể như sau:

- BKS được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ của HĐQT Công ty.
- BKS được cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty theo định kỳ 06, 09 và 12 tháng.
- Trong năm 2023 BKS đã tiến hành các cuộc họp chính thức sau:
 - Cuộc họp xem xét, đánh giá kết quả kinh doanh 6 tháng, 9 tháng năm 2023.
 - Cuộc họp thẩm định Báo cáo tài chính năm 2023 trước và sau kiểm toán.
 - Cuộc họp thẩm định báo cáo của HĐQT về công tác chỉ đạo, điều hành quản lý năm 2023 và phương hướng phát triển kinh doanh 2024. Thông qua dự thảo báo cáo của BKS năm 2023 chuẩn bị cho ĐHĐCĐ thường niên.

- Chi phí hoạt động trong năm 2023 của BKS không có chi phí riêng, thù lao của BKS năm 2023 theo nghị quyết của ĐHĐCĐ..

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Thù lao HĐQT

STT	Họ tên	Chức danh	Số tiền
1	Phạm Quỳnh Giang	Chủ tịch HĐQT	6% Tổng lợi nhuận sau thuế
2	Nguyễn Khắc Luận	Phó CT. HĐQT	
3	Trịnh Xuân Tuấn	Thành viên HĐQT	
4	Đình Văn Khải	Thành viên HĐQT	
5	Nguyễn Thu Hồng	Thành viên HĐQT	

Tổng cộng			2.247.545.000
------------------	--	--	----------------------

- Thù lao Ban kiểm soát

STT	Họ tên	Chức danh	Số tiền
1	Vũ Đăng Khoa	Trưởng BKS	1,8% Tổng lợi nhuận sau thuế
2	Huỳnh Thị Thúy Nga	Thành viên BKS	
3	Huỳnh Thị Ngọc Châu	Thành viên BKS	
Tổng cộng			674.263.000

- Thu nhập Ban TGD

STT	Họ tên	Chức danh	Số tiền (vnd)
1	Nguyễn Khắc Luận	Tổng GD	526.839.320
2	Nguyễn Thu Hồng	Phó Tổng GD	542.588.049
3	Đình Văn Khải	Phó Tổng GD	486.937.000
4	Phạm Đăng Khánh	Phó Tổng GD	484.762.000
Tổng cộng			2.041.126.369

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: (không có)

VI. Báo cáo tài chính (Tài liệu đính kèm)

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN KHẮC LUẬN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO VÀ HỘI CHỢ THƯƠNG MẠI VINEXAD

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán	06 - 26
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	11 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0103010028 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 04 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ sáu số 0100108007 ngày 17 tháng 9 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty tại số 9 Đinh Lễ, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Quỳnh Giang	Chủ tịch
Ông Nguyễn Khắc Luận	Phó Chủ tịch
Ông Đinh Văn Khải	Thành viên
Ông Trịnh Xuân Tuấn	Thành viên
Bà Nguyễn Thu Hồng	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Khắc Luận	Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Khải	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thu Hồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đăng Khánh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Tuyết Mai	Kế toán trưởng

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Vũ Đăng Khoa	Trưởng ban
Bà Huỳnh Thị Thúy Nga	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Ngọc Châu	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính tổng hợp cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính tổng hợp, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2024

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc





CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ASCO

Số 2, ngõ 308 Lê Trọng Tấn, P. Khương Mai, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

08 2509 2007

010 2374170

asco@asco.vn

www.asco.vn



Số: 04/2024/ASCO/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính tổng hợp

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad được lập ngày 26 tháng 02 năm 2024, từ trang 6 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2024

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO

Phó Tổng Giám đốc



Phạm Ngọc Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 4493-2024-149-1

Kiểm toán viên

Phan Đình Dũng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 4887-2024-149-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
		VND	VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		114.960.220.512	65.017.462.014
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	55.837.541.091	14.912.249.593
111 1. Tiền		55.837.541.091	14.912.249.593
120 II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	39.000.000.000	39.000.000.000
123 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		39.000.000.000	39.000.000.000
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.955.426.690	4.488.395.969
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	966.902.161	2.004.305.213
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	706.040.560	322.675.666
136 3. Phải thu ngắn hạn khác	7	3.282.483.969	2.161.415.090
140 IV. Hàng tồn kho	8	13.180.621.813	6.346.596.159
141 1. Hàng tồn kho		13.180.621.813	6.346.596.159
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		1.986.630.918	270.220.293
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	45.147.746	63.453.454
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.734.716.333	-
153 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	206.766.839	206.766.839
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		5.410.503.611	4.929.160.798
210 I. Các khoản phải thu dài hạn		390.695.000	350.000.000
216 1. Phải thu dài hạn khác	7	390.695.000	350.000.000
220 II. Tài sản cố định		4.909.228.362	4.527.404.586
221 1. Tài sản cố định hữu hình	9	4.906.528.362	4.513.904.586
222 - Nguyên giá		15.995.721.946	15.318.836.379
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(11.089.193.584)	(10.804.931.793)
227 2. Tài sản cố định vô hình	10	2.700.000	13.500.000
228 - Nguyên giá		54.000.000	54.000.000
229 - Giá trị hao mòn lũy kế		(51.300.000)	(40.500.000)
260 VI. Tài sản dài hạn khác		110.580.249	51.756.212
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	11	110.580.249	51.756.212
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		120.370.724.123	69.946.622.812

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
		VND	VND
300 C. NỢ PHẢI TRẢ		52.663.829.080	28.478.859.593
310 I. Nợ ngắn hạn		52.663.829.080	28.478.859.593
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	188.154.829	379.225.855
312 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	10.896.570.584	9.047.276.385
313 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	13.108.000.747	3.853.197.386
314 4. Phải trả người lao động		2.961.000.000	636.000.000
315 5. Chi phí phải trả ngắn hạn		70.000.000	55.000.000
318 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16	159.016.701	262.478.171
319 7. Phải trả ngắn hạn khác	15	15.286.974.023	6.505.495.329
320 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		22.640.000	22.640.000
322 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		9.971.472.196	7.717.546.467
400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		67.706.895.043	41.467.763.219
410 I. Vốn chủ sở hữu	17	67.706.895.043	41.467.763.219
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu		12.249.480.000	12.249.480.000
411a - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		12.249.480.000	12.249.480.000
412 2. Thặng dư vốn cổ phần		520.000	520.000
418 3. Quỹ đầu tư phát triển		17.943.584.934	14.222.720.689
421 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		37.513.310.109	14.995.042.530
421a - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		54.226.041	54.226.041
421b - LNST chưa phân phối năm nay		37.459.084.068	14.940.816.489
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		120.370.724.123	69.946.622.812

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thắm

Nguyễn Tuyết Mai

Nguyễn Khắc Luận

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2023

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
01 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	252.338.882.462	141.933.363.368
02 1. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10 2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		252.338.882.462	141.933.363.368
11 3. Giá vốn hàng bán	20	182.373.350.779	111.812.736.540
20 4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		69.965.531.683	30.120.626.828
21 5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.398.161.444	1.633.682.542
22 6. Chi phí tài chính		-	-
23 - Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25 7. Chi phí bán hàng		-	-
26 8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	27.632.681.757	14.657.184.512
30 7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		46.731.011.370	17.097.124.858
31 9. Thu nhập khác	23	570.717.382	1.743.361.174
32 10. Chi phí khác	24	249.089.878	238.100.522
40 11. Lợi nhuận khác		321.627.504	1.505.260.652
50 12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		47.052.638.874	18.602.385.510
51 13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	9.593.554.806	3.431.956.442
52 14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60 15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		37.459.084.068	15.170.429.068
70 16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	30.580	12.385
71 17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		30.580	12.385

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thắm

Kế toán trưởng

Nguyễn Tuyết Mai

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khắc Luận

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	47.052.638.874	18.602.385.510
	2. Điều chỉnh cho các khoản		
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	600.249.588	724.097.837
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(167.652.955)	(230.727.159)
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	(3.132.018.595)	(1.402.955.383)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	44.353.216.912	17.692.800.805
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu	(1.163.292.054)	83.880.417
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho	(6.834.025.654)	2.743.550.828
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	15.539.488.916	3.028.900.266
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước	(40.518.329)	(85.518.666)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(3.428.942.264)	(1.688.244.616)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	2.140.000	58.632.037
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(1.616.338.515)	(238.116.110)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	46.811.729.012	21.595.884.961
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(982.073.364)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	254.545.455	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(36.000.000.000)	(43.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	36.000.000.000	29.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	1.798.323.140	808.955.383
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	1.070.795.231	(13.191.044.617)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(7.124.885.700)	(1.224.948.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(7.124.885.700)	(1.224.948.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	40.757.638.543	7.179.892.344
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	14.912.249.593	7.501.630.090
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	167.652.955	230.727.159
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	55.837.541.091	14.912.249.593

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thắm

Kế toán trưởng

Nguyễn Tuyết Mai

Tổng Giám đốc

Nguyễn Khắc Luận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2023

I . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0103010028 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 04 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ sáu số 0100108007 ngày 17 tháng 9 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty tại số 9 Đinh Lễ, Phường Trảng Tiên, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 12.249.480.000 đồng, tương đương 1.224.948 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng số cán bộ nhân viên của Công ty là 71 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 64 người).

Lĩnh vực kinh doanh

- Tổ chức hội chợ - triển lãm hội nghị và các sự kiện hàng đầu Việt Nam;
- Xây dựng, thực hiện chương trình quảng cáo trên mọi hình thức;
- Truyền thông - PR - Marketing;
- Bất động sản và văn phòng cho thuê.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá);
- Tổ chức giới thiệu, xúc tiến thương mại, chi tiết: Hội chợ triển lãm thương mại; dịch vụ tổ chức các sự kiện, hội nghị, hội thảo và hợp tác đầu tư; xúc tiến thương mại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh bất động sản, cho thuê nhà ở, văn phòng, kho bãi, nhà xưởng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

- Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

<u>Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ thương mại Vinexad	1202 tầng 12 tòa nhà Đông Dương, số 4 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Tổ chức hội chợ - triển lãm hội nghị và các sự kiện; Quảng cáo.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính tổng hợp được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Phần mềm quản lý	5 năm

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp.

2.13 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu bao gồm ... được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.14 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.15 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

2.16 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	633.744.517	807.347.182
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	55.203.796.574	14.104.902.411
Tổng	55.837.541.091	14.912.249.593

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	39.000.000.000	-	39.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	39.000.000.000	-	39.000.000.000	-
Tổng	39.000.000.000	-	39.000.000.000	-

(i) Là các khoản tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 3,7%/năm đến 8,1%/năm.

5 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Khách hàng hội chợ Điện tử và Thiết bị thông minh	-	-	1.380.436.947	-
Khách hàng thuê văn phòng	185.265.400	-	25.624.400	-
Khách hàng thuê biển Quảng cáo	433.080.000	-	31.320.000	-
Khách hàng hội chợ Expo tại Sài Gòn	12.960.000	-	-	-
Khách hàng triển lãm xe đạp thể thao	-	-	29.827.006	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	335.596.761	-	537.096.860	-
Tổng	966.902.161	-	2.004.305.213	-

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần chứng khoán FPT	143.000.000	-	-	-
Hội chợ điện tử và thiết bị thông minh	-	-	177.858.300	-
Công ty Cổ phần Eurowindow	169.108.360	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thiết kế Xây dựng PH	240.500.000	-	-	-
Khác	153.432.200	-	144.817.366	-
Tổng	706.040.560	-	322.675.666	-

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Tạm ứng	1.033.539.221	-	692.548.448	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.938.300.000	-	859.150.000	-
Phải thu khác	310.644.748	-	609.716.642	-
Tổng	3.282.483.969	-	2.161.415.090	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	390.695.000	-	350.000.000	-
Tổng	390.695.000	-	350.000.000	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.180.621.813	-	6.346.596.159	-
Tổng	13.180.621.813	-	6.346.596.159	-

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	11.283.675.683	407.747.444	3.627.413.252	15.318.836.379
- Mua trong năm	-	39.545.455	942.527.909	982.073.364
- Giảm khác	-	(38.454.545)	(266.733.252)	(305.187.797)
Số dư cuối năm	11.283.675.683	408.838.354	4.303.207.909	15.995.721.946
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	8.175.498.798	345.526.744	2.283.906.251	10.804.931.793
- Khấu hao trong năm	149.378.380	25.459.218	414.611.990	589.449.588
- Giảm khác	-	(38.454.545)	(266.733.252)	(305.187.797)
Số dư cuối năm	8.324.877.178	332.531.417	2.431.784.989	11.089.193.584
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	3.108.176.885	62.220.700	1.343.507.001	4.513.904.586
Số dư cuối năm	2.958.798.505	76.306.937	1.871.422.920	4.906.528.362

- Nguyên giá TSCĐ đầu năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.871.636.970 VND.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.598.949.173 VND.

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Chương trình phần mềm	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	54.000.000	54.000.000
Số dư cuối năm	54.000.000	54.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	40.500.000	40.500.000
- Khấu hao trong năm	10.800.000	10.800.000
Số dư cuối năm	51.300.000	51.300.000
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	13.500.000	13.500.000
Số dư cuối năm	2.700.000	2.700.000

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Thuê máy chủ hosting	18.000.000	36.000.000
Các khoản khác	27.147.746	27.453.454
Tổng	45.147.746	63.453.454
b) Dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ	110.580.249	51.756.212
Tổng	110.580.249	51.756.212

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Biển quảng cáo	38.000.000	-	-	-
Hội chợ điện tử và thiết bị thông minh	-	-	331.632.000	-
Hội chợ Y dược Sài Gòn	38.834.600	-	-	-
Khác	111.320.229	-	47.593.855	-
Tổng	188.154.829	-	379.225.855	-

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Khách hàng thuê Văn phòng	118.459.375	166.417.375
Khách hàng hội chợ Thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh	2.651.874.547	878.075.090
Khách hàng hội chợ Expo tại Hà Nội	624.329.678	589.900.411
Khách hàng triển lãm Mẹ và Bé tại TP. Hồ Chí Minh	4.170.477.000	1.826.429.440
Hội chợ Y dược Sài Gòn	559.507.853	65.884.900
Hội chợ triển lãm nguồn cung toàn cầu	-	3.498.961.195
Khách hàng triển lãm Vật liệu Trung Quốc	-	477.065.504
Khác	2.771.922.131	1.544.542.470
Tổng	10.896.570.584	9.047.276.385

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số phải thu	Số phải nộp
	đầu năm	đầu năm	trong năm	trong năm	cuối năm	cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	206.766.839	1.088.389.952	6.512.678.069	4.810.027.133	206.766.839	2.791.040.888
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.424.102.264	9.595.694.806	3.428.942.264	-	8.590.854.806
Thuế thu nhập cá nhân	-	340.705.170	2.985.506.608	1.600.106.725	-	1.726.105.053
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	554.290.695	554.290.695	-	-
Các loại thuế khác	-	-	86.844.352	86.844.352	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	1.107.450	1.107.450	-	-
	206.766.839	3.853.197.386	19.736.121.980	10.481.318.619	206.766.839	13.108.000.747

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	137.601.999	130.279.699
Bảo hiểm xã hội	3.268.850	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.146.103.174	6.375.215.630
<i>Khách hàng triển lãm Chiết Giang Trung Quốc tại Việt Nam - Khách hàng trả trước</i>	<i>2.587.614.900</i>	<i>3.615.215.630</i>
<i>Công ty Triển lãm Quốc tế Chan Chao - đặt cọc</i>	<i>12.333.685.974</i>	<i>1.730.000.000</i>
<i>Ông Vũ Hoàng - hợp tác kinh doanh</i>	<i>-</i>	<i>1.030.000.000</i>
<i>Có tức phải trả</i>	<i>224.802.300</i>	<i>-</i>
Tổng	<u><u>15.286.974.023</u></u>	<u><u>6.505.495.329</u></u>

16 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Doanh thu nhận trước	159.016.701	262.478.171
Tổng	<u><u>159.016.701</u></u>	<u><u>262.478.171</u></u>

Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad

Số 9 Đinh Lễ, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính tổng hợp

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B09-DN

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	12.249.480.000	520.000	14.222.720.689	1.541.936.006	28.014.656.695
Lãi trong năm trước	-	-	-	15.170.429.068	15.170.429.068
Chi cổ tức (i)	-	-	-	(1.224.948.000)	(1.224.948.000)
Trích các quỹ (i)	-	-	-	(262.761.965)	(262.761.965)
Thuế TNDN truy thu	-	-	-	(229.612.579)	(229.612.579)
Số dư cuối năm trước	12.249.480.000	520.000	14.222.720.689	14.995.042.530	41.467.763.219
Số dư đầu năm nay	12.249.480.000	520.000	14.222.720.689	14.995.042.530	41.467.763.219
Lãi trong năm nay	-	-	-	37.459.084.068	37.459.084.068
Chi cổ tức (ii)	-	-	-	(7.349.688.000)	(7.349.688.000)
Trích các quỹ (ii)	-	-	3.720.864.245	(7.441.728.489)	(3.720.864.244)
Giảm do chi thường	-	-	-	(149.400.000)	(149.400.000)
Số dư cuối năm nay	12.249.480.000	520.000	17.943.584.934	37.513.310.109	67.706.895.043

(i) Theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 số 02/NQ-DHĐCD ngày 19/4/2022 của Công ty, thông qua phương án chia cổ tức và phân phối các quỹ Chia cổ tức 10% tương ứng số tiền 1.224.948.000 đồng và trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận còn lại của Công ty số tiền: 262.761.965 đồng.

(ii) Theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 06/NQ-DHĐCD ngày 18/4/2023 của Công ty, thông qua phương án chia cổ tức và phân phối các quỹ như sau: Chia cổ tức 60% tương ứng số tiền 7.349.688.000 đồng và trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận còn lại của Công ty số tiền 3.720.864.245 đồng.

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		
	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		
- Vốn góp đầu năm	12.249.480.000	12.249.480.000
- Vốn góp cuối năm	12.249.480.000	12.249.480.000
<i>Cổ tức, lợi nhuận</i>		
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	7.349.688.000	1.224.948.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	7.349.688.000	1.224.948.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay</i>	-	-
c) Cổ phiếu		
	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	1.224.948	1.224.948
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.224.948	1.224.948
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.224.948	1.224.948
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.224.948	1.224.948
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		
d) Các quỹ của Công ty		
	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	17.943.584.934	14.222.720.689
	17.943.584.934	14.222.720.689
18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
<i>Ngoại tệ các loại</i>		
	31/12/2023	01/01/2023
- USD	2.003.447,09	472.264,07
- EUR	63.133,25	24.316,11
19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	252.338.882.462	141.933.363.368
Tổng	252.338.882.462	141.933.363.368

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	182.373.350.779	111.812.736.540
Tổng	182.373.350.779	111.812.736.540

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.877.473.140	1.402.955.383
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.353.035.349	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	167.652.955	230.727.159
Tổng	4.398.161.444	1.633.682.542

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí đồ dùng văn phòng	138.856.070	30.067.536
Chi phí nhân công	23.474.254.281	12.031.556.557
Chi phí khấu hao tài sản cố định	600.249.588	724.097.837
Thuế, phí và lệ phí	568.165.887	247.454.452
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.281.579.931	1.184.769.948
Chi phí khác bằng tiền	569.576.000	439.238.182
Tổng	27.632.681.757	14.657.184.512

23 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Công nợ không phải trả	-	1.674.501.137
Thu phạt hợp đồng kinh tế	127.150.600	68.073.000
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	254.545.455	-
Các khoản khác	189.021.327	787.037
Tổng	570.717.382	1.743.361.174

24 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Các khoản bị phạt	35.306.193	153.906.664
Các khoản khác	213.783.685	84.193.858
Tổng	249.089.878	238.100.522

25 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	47.052.638.874	18.602.385.510
Các khoản điều chỉnh tăng	1.662.805.808	553.027.308
- Khấu hao ô tô vượt 1,6 tỷ đồng	81.360.000	81.360.000
- Chênh lệch thuế GTGT không được khấu trừ	183.274.412	-
- Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát không trực tiếp điều hành	1.203.000.000	235.000.000
- Khoản phạt và khoản khác không được trừ	195.171.396	236.667.308
Các khoản điều chỉnh giảm	(747.670.652)	(1.995.630.610)
- Lãi chênh lệch đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ năm trước	-	(230.727.159)
- Lãi chênh lệch đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ năm nay	(167.652.955)	-
- Thu nhập khác đã truy thuế 2021	-	(1.638.350.400)
- Lợi nhuận chuyển lỗ của chi nhánh	(580.017.697)	(126.553.051)
Thu nhập tính thuế TNDN	47.967.774.030	17.159.782.208
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	9.593.554.806	3.431.956.442

26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	37.459.084.068	15.170.429.068
Các khoản điều chỉnh:	-	(3.720.864.244)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(3.720.864.244)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	37.459.084.068	11.449.564.824
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.224.948	1.224.948
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30.580	9.347

Công ty chưa có kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu mới nên lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi trên cổ phiếu.

27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí đồ dùng văn phòng	138.856.070	30.067.536
Chi phí nhân công	28.053.611.160	13.369.042.507
Chi phí khấu hao tài sản cố định	600.249.588	724.097.837
Chi phí dịch vụ mua ngoài	186.342.433.598	108.669.015.258
Thuế, phí và lệ phí	568.165.887	247.454.452
Chi phí khác bằng tiền	1.136.741.887	686.692.634
Tổng	216.840.058.190	123.726.370.224

28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp này.

29 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ hội chợ, triển lãm. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 19 và 20 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Về mặt địa lý, Công ty kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

30 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Ông Phạm Quỳnh Giang	Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Khắc Luận	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Ông Trịnh Xuân Tuấn	Thành viên HĐQT
- Bà Nguyễn Thu Hồng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Ông Đinh Văn Khải	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Ông Phạm Đăng Khánh	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Vũ Đăng Khoa	Trưởng Ban kiểm soát
- Bà Huỳnh Thị Thúy Nga	Thành viên Ban kiểm soát
- Bà Huỳnh Thị Ngọc Châu	Thành viên Ban kiểm soát

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
1	Ông Phạm Quỳnh Giang	Chủ tịch HĐQT	106.159.500	-
2	Ông Nguyễn Khắc Luận	Phó Chủ tịch HĐQT	84.928.500	-
3	Ông Trịnh Xuân Tuấn	Thành viên HĐQT	70.771.500	-
4	Bà Nguyễn Thu Hồng	Thành viên HĐQT	78.635.000	-
5	Ông Đinh Văn Khải	Thành viên HĐQT	78.635.000	-
6	Ông Vũ Đăng Khoa	Trưởng Ban kiểm soát	53.786.800	-
7	Bà Huỳnh Thị Thúy Nga	Thành viên Ban kiểm soát	36.306.090	-
8	Bà Huỳnh Thị Ngọc Châu	Thành viên Ban kiểm soát	36.306.090	-
Tổng			545.528.480	-

Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022 được chi trả vào năm 2023, số tiền 545.528.480 VND.

Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác

STT	Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
1	Ông Nguyễn Khắc Luận	Tổng Giám đốc	526.839.320	346.682.440
2	Bà Nguyễn Thu Hồng	Phó Tổng Giám đốc	542.588.049	327.513.335
3	Ông Đinh Văn Khải	Phó Tổng Giám đốc	486.937.000	321.388.572
4	Ông Phạm Đăng Khánh	Phó Tổng Giám đốc	484.762.000	288.929.999
Tổng			2.041.126.369	1.284.514.346

31 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO kiểm toán.

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thắm

Kế toán trưởng



Nguyễn Tuyết Mai

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khắc Luận